

NGUYÊN NHÂN CUỘC CHIẾN BIÊN GIỚI TÂY NAM TỪ GÓC NHÌN QUAN HỆ QUỐC TẾ

Huỳnh Tâm Sáng(*)

1. Bối cảnh và nguyên nhân cuộc chiến

Từ nửa sau thập niên 70 của thế kỷ XX, bất đồng giữa Campuchia và Việt Nam dần trở nên nghiêm trọng. Việc báo chí nước ngoài tập trung khai thác những cáo buộc từ phía hai bên đã khiến dư luận quốc tế chú ý nhiều hơn đến xung đột vốn diễn ra ở cấp độ khu vực. Chandler cho rằng mâu thuẫn giữa Việt Nam và Khmer Đỏ đã trở nên đáng quan ngại khi từ tháng 5-1975 khi Khmer Đỏ đã tấn công đảo Phú Quốc và Thổ Chu ở vịnh Thái Lan nhằm hy vọng có thể chiếm được các đảo này khi Việt Nam đang ở vào giai đoạn cuối của nội chiến¹. Sau khi phái đoàn Campuchia đến Hà Nội vào tháng 6-1975 thì tình hình trở nên tương đối ổn định và được duy trì trong nửa sau năm 1975 và năm 1976. Năm 1976, hai bên đã nỗ lực đàm phán nhưng các cuộc thảo luận đã thất bại vì những bất đồng vẫn tồn tại xung quanh việc ai có quyền đề xuất phân định đường ranh giới chung. Khi việc trao đổi không mang lại triển vọng, Khmer Đỏ đã tiến hành các cuộc tấn công ồ ạt hơn vào đầu năm 1977 và tiếp tục trong tám tháng đầu năm 1978². Chính những xung đột diễn ra với tính chất ngày càng nghiêm trọng tại vùng biên giới đã khiến dư luận quốc tế xem đây chính là căn bản cho cuộc chiến biên giới Tây Nam. Tuy nhiên, ở một góc nhìn toàn diện hơn thì vấn đề biên giới chỉ là một trong những nguyên nhân dẫn đến cuộc chiến giữa Việt Nam và Khmer Đỏ. Thực tế là các nguyên nhân dẫn đến cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam là khá phong phú và trong nhiều trường hợp vẫn còn gây nhiều tranh cãi. Trong bài viết này tác giả chủ yếu tiếp cận các nguyên nhân trực tiếp và gián tiếp khiến Khmer Đỏ tiến hành các hành động xâm lấn khu vực biên giới Tây Nam và buộc Việt Nam phải tiến hành các biện pháp tự vệ chính đáng.

Thứ nhất, các tranh chấp lãnh thổ giữa Campuchia và Việt Nam là nội dung nổi bật và thường gây nhiều tranh cãi. Grant Evans và Kelvin Rowley nhấn mạnh rằng người Việt vẫn còn sở hữu một số vùng đất rộng lớn thuộc Campuchia từ sau khi giành độc lập (tháng 4-1975)³. Vấn đề chủ quyền đã trở thành trọng tâm trong các tranh luận và thường được Khmer Đỏ viện dẫn như là lý do trực tiếp cho những mâu thuẫn và

(*) Nghiên cứu sinh, Đại học Thủ Dầu Một. Email: huynhtamsang@gmail.com ĐT: 0974433209.

¹ David P. Chandler (1992), *A History of Cambodia*, Boulder: Westview Press, pp. 219-220.

² *Keesing's Contemporary Archives* (1975), Vol. XXIV, No. 1650, Cambridge, p. 29269.

³ Grant Evans and Kelvin Rowley (1984), *Red Brotherhood at War: Indochina since the Fall of Saigon*, London: Verso, pp. 85-86.

xung đột với phía Việt Nam. Việc Khmer Đỏ nhấn mạnh nội dung phục hồi lại các vùng lãnh thổ đã mất mà chủ yếu là đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam, vốn được biết đến như là “Kampuchea Krom” (vùng đất thấp), là trọng tâm trong các lập luận và mâu thuẫn với phía Việt Nam. Mặc dù Khmer Đỏ có cả mâu thuẫn với các quốc gia láng giềng là Lào và Thái Lan nhưng rõ ràng là Việt Nam là đối tượng thù địch chủ yếu của Khmer Đỏ. Việc Khmer Đỏ xâm lược Việt Nam cũng quyết liệt hơn rất nhiều so với hai quốc gia còn lại⁴. Tâm thế thù địch và hành động tàn ác của Khmer Đỏ có thể được liên hệ với thuyết phục hồi lãnh thổ (irredentism) như một nỗ lực chính trị để gộp tất cả các khu vực có liên hệ về dân tộc, lịch sử hoặc địa lý ở các quốc gia lân cận trong một khuôn khổ chính trị chung⁵. Khi Khmer Đỏ giành quyền kiểm soát chính quyền tại Campuchia và quyền lực của lực lượng này trở nên mạnh hơn thì những ám ảnh phục hồi lãnh thổ của họ cũng gia tăng. Thậm chí là Khmer Đỏ còn lo ngại và tuyên truyền rằng Việt Nam có âm mưu thành lập một Liên bang Đông Dương⁶.

Bên cạnh đó, Khmer Đỏ tiếp cận toàn bộ vấn đề như là “bên bị hại” duy nhất và đòi hỏi đền bù cho những mất mát của Campuchia trong lịch sử. Ngay từ đầu năm 1973, các văn kiện Đảng ở khu Tây Nam (thường được coi là thành trì của Pol Pot) đã xem người Việt Nam là “kẻ thù truyền thống” (hereditary enemy)⁷. Trong tài liệu được soạn bí mật về lịch sử biên giới Campuchia - Việt Nam, Khmer Đỏ đã khẳng định những tuyên bố về chủ quyền của Campuchia và nhấn mạnh mục tiêu: “Thể hiện rõ chính sách của Việt Nam và yếu tố đế quốc tàn bạo, áp bức, bành trướng, hung hăng trong tham vọng nuốt trọn lãnh thổ Campuchia”⁸. Sách Đen (Black Paper) do Bộ ngoại giao Campuchia Dân chủ xuất bản tháng 9-1978 tập trung vào cáo buộc Việt Nam xâm lược Campuchia. Trong đó, Khmer Đỏ lập luận rằng người Việt Nam “luôn nuôi tham vọng sáp nhập, nuốt chửng, và tiêu diệt tận gốc Campuchia”⁹. Tâm lý nạn nhân hóa đã chi phối tư duy và phương cách khôi phục địa vị của Khmer Đỏ. Thậm chí là Khmer Đỏ đã từ chối đàm phán và muốn có các nghị quyết đơn phương như là cơ sở duy nhất để giải quyết bất đồng¹⁰. Tuy nhiên, yêu sách đơn phương của Campuchia về đặc quyền (có tính chất độc quyền) điều chỉnh lại đường biên giới là không có giá trị pháp lý khi xét từ góc độ luật pháp quốc tế. Bên cạnh đó, việc Khmer

⁴ Ben Kiernan (1996), *The Pol Pot Regime: Race, Power, and Genocide in Cambodia under the Khmer Rouge, 1975-79*, New Haven and London: Yale University Press, p. 460.

⁵ Naomi Chazan, “Introduction: Approaches to the Study of Irredentism,” In Naomi Chazan (Ed.) (1991), *Irredentism and International Politics*, Boulder: Lynne Rienner Publishers, p. 1.

⁶ Khieu Samphan (2004), *Cambodia's Recent History and the Reasons Behind the Decisions I Made*, Phnom Penh: Ponleu Khmer Printing & Publishing House, pp. 48-51.

⁷ Ben Kiernan (1985), *How Pol Pot Came to Power*, London: Verso, p. 361.

⁸ “The History of the Kampuchea-Vietnam Border.” Foreign Ministry of Democratic Kampuchea, Internal Document, 15 June 1977, 5th copy, p. 1.

⁹ *Black Paper: Facts and Evidence of the Acts of Aggression and Annexation of Vietnam against Kampuchea* (1978), Ministry of Foreign Affairs, Democratic Kampuchea, Phnom Penh, p. 73.

¹⁰ Stephen P. Heder (1979), “The Kampuchean-Vietnamese Conflict”, *Southeast Asian Affairs*, p.169.

Đỏ sử dụng biện pháp quân sự để thực thi những tuyên bố của mình rõ ràng là hoàn toàn thể hiện tính chất thù địch¹¹. Cũng cần chú ý thêm rằng chính trong bối cảnh Việt Nam giành được độc lập năm 1975 đã khiến Khmer Đỏ lo ngại về sự phát triển của Việt Nam. Chính vì lẽ đó mà Khmer Đỏ đã xem xung đột là biện pháp để giành lại các vùng lãnh thổ mà chính quyền này cho rằng thuộc về họ và cũng là nhằm thách thức vị thế chính trị và sức mạnh quân sự của Việt Nam ở Đông Dương¹².

Thứ hai, vấn đề người tị nạn đã có tác động đến cả Khmer Đỏ lẫn Việt Nam và gây nên xung đột. Vickery cho rằng đây là nhân tố có ý nghĩa chủ đạo¹³. Hơn một triệu người có nguồn gốc từ Campuchia sống tại đồng bằng sông Mekong và hơn 500.000 người Việt cư ngụ tại Campuchia như là hệ quả chủ yếu từ việc phân định biên giới đã gián tiếp góp vào leo thang mâu thuẫn¹⁴. Theo các cáo buộc của Khmer Đỏ thì chỉ một bộ phận người Việt đã rút khỏi Campuchia trong khi một bộ phận khác, bao gồm cả binh lính và thường dân đã ở lại Campuchia và lẫn trốn trong dân chúng. Sách Đen cũng khẳng định chính những người Việt ở lại Campuchia đã thường xuyên “chèn ép” và buộc người Khmer phải lánh về vùng nông thôn để tìm phương sinh kế¹⁵. Nhiều nội dung trong Sách Đen cũng trực tiếp cáo buộc người dân Việt Nam đang sinh sống tại Campuchia đã trực tiếp gây ra những bất ổn trầm trọng lên tình hình chính trị và kinh tế Campuchia. Trong bối cảnh đó, Khmer Đỏ đã dùng quân sự để buộc người Việt rời khỏi Campuchia và không phân biệt giữa thường dân và binh lính. Trong nhiều trường hợp, những cuộc thảm sát dọc theo các tỉnh biên giới Việt Nam và Campuchia cũng được phía Khmer Đỏ lý giải trên cơ sở đó.

Thứ ba, những hào quang từ lịch sử cũng là nguyên nhân cho việc Khmer Đỏ tiến hành chiến tranh với Việt Nam. Trong thời gian này, quan điểm chính trị cơ bản của Khmer Đỏ là vấn đề dân tộc và chủng tộc. Thực tế là sự bất đồng với những người Cộng sản Việt Nam ở Paris vào đầu những năm 1950 có liên quan đến “hào quang” trong quá khứ của người Khmer. Đó là sự hùng vĩ có tính biểu tượng của ngôi đền Khmer vào thời Trung cổ là Angkor Wat và bên cạnh đó là mức độ nhạy cảm của nhân dân Campuchia về dân số bé nhỏ của họ. Chính tình trạng lưỡng nan (dilemma) này đã khiến Khmer Đỏ quyết tâm phải khẳng định lại vị thế dân tộc trước đây. Trên con đường phục hồi lại những vinh quang trong quá khứ mà Khmer Đỏ nhất quán phương châm là Campuchia không cần phải học tập hay “nhập khẩu” bất cứ giá trị văn hóa hay thành tựu văn minh gì từ các nước láng giềng. Thay vào đó, họ sẽ khôi

¹¹ Grant Evans and Kelvin Rowley (1984), *Red Brotherhood at War: Indochina since the Fall of Saigon*, Sđd, tr. 92.

¹² Marian Kirsch Leighton (1978), “Perspectives on the Vietnam-Cambodia Border Conflict”, *Asian Survey*, Vol. 18, No. 5, p. 448.

¹³ Michael Vickery (1984), *Cambodia, 1975-1982*, South End Press, p. 191.

¹⁴ Marian Kirsch Leighton (1978), “Perspectives on the Vietnam-Cambodia Border Conflict”, *Asian Survey*, Tlđđ, tr. 448.

¹⁵ *Black Paper: Facts and Evidence of the Acts of Aggression and Annexation of Vietnam against Kampuchea* (1978), Sđd, tr. 73.

phục lại sự vinh quang thời tiền Phật giáo thông qua xây dựng lại nền kinh tế hùng mạnh của vương quốc Angkor thời Trung cổ và lấy lại “lãnh thổ bị mất” từ Việt Nam. Những gì mà Khmer Đỏ cho là “lai tạp” chính là những người có học vấn nước ngoài (ngoại trừ những người cộng sản trí thức được đào tạo tại Paris) và “kẻ thù truyền thống” của Campuchia là người Việt Nam.

Để đưa Campuchia trở lại với vinh quang trong quá khứ thì Khmer Đỏ cho rằng chiến tranh là sự lựa chọn cần thiết và cho rằng đây là “cơ sở bí mật” của cách mạng¹⁶. Như vậy, những nhân tố bản địa (indigenous) gắn bó mật thiết với lịch sử và nền văn hóa của Campuchia cũng quy định cách nhìn nhận của Khmer Đỏ về đất nước Campuchia trong quá khứ và cách mà đất nước này phải trở thành trong tương lai. Với ý nghĩa nhất định thì tư tưởng bành trướng lãnh thổ của Khmer Đỏ tương tự như quan điểm mở rộng không gian sinh tồn (lebensraum) của Hitler nhằm đảm bảo không gian sinh tồn cho người dân và quan trọng là tạo thành một chủng tộc thuần nhất (racial purity). Elizabeth Becker, một trong hai nhà báo người Mỹ đã được cho phép trở lại Campuchia sau lệnh trục xuất tất cả người nước ngoài của Khmer Đỏ, cho rằng “Trong khi Mỹ và Việt Nam chia sẻ trách nhiệm đối với phần lớn nỗi đau của Campuchia thì sau cùng người Campuchia chính là nạn nhân của các nhà lãnh đạo cũng như truyền thống và lịch sử của họ”¹⁷. Từ góc nhìn này mà xét, việc Khmer Đỏ tiến hành xung đột biên giới với Việt Nam, Lào và Thái Lan là nhằm thống nhất một khu vực nói tiếng Khmer cổ trước đây như là một phần của đế chế Angkor rộng lớn và hùng mạnh. Để thống nhất về phương diện chủng tộc thì khôi phục lãnh thổ bị mất là điều cần thiết¹⁸. Thống nhất chủng tộc và khôi phục lãnh thổ có quan hệ mật thiết với nhau. Nayan Chanda, từng có thời gian dài là phóng viên của tờ Viễn đông Kinh tế Thời báo (Far Eastern Economic Review - FEER) có trụ sở đặt tại Hong Kong cũng nhận định rằng chủ nghĩa dân tộc đã phủ bóng lên quan hệ Campuchia - Việt Nam trong suốt giai đoạn 1975-1979¹⁹. Tư tưởng bành trướng của Khmer Đỏ đã khiến các xung đột phải được mở rộng và do đó mà tham vọng này đã khiến thiện chí và các nỗ lực đàm phán của Việt Nam trở nên bất thành. Con đường chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Việt Nam trở thành sự lựa chọn tất yếu.

Thứ tư, những bất hòa và suy giảm niềm tin trong lịch sử quan hệ giữa Campuchia và Việt Nam có tác động đến nhận thức và thái độ của Khmer Đỏ về Việt Nam. Trong trường hợp này, lịch sử đã tác động đến Khmer Đỏ và tạo thành môi bất hòa

¹⁶ Ben Kiernan, “The Cambodian Genocide 1975-1979,” in Samuel Totten and William S. Parsons (eds.) (2009), *A Century of Genocide: Critical Essays and Eyewitness Accounts*, New York: Routledge, p. 77.

¹⁷ Elizabeth Becker (1986), *When The War Was Over: Cambodia And The Khmer Rouge Revolution*, Simon & Schuster, Preface XV.

¹⁸ Ben Kiernan, “External and Indigenous Sources of Khmer Rouge Ideology,” in Odd Arne Westad and Sophie Quinn-Judge (eds.) (2006), *The Third Indochina War: Conflict between China, Vietnam and Cambodia*, Routledge, pp. 187-206.

¹⁹ Nayan Chanda (1986), *Brother Enemy: The War after the War*, New York: Harcourt Brace Jovanovich, p. 7.

giữa Khmer Đỏ với Việt Nam. Lịch sử ghi nhận rằng quốc vương Chân Lạp là Nặc Nguyên (Ang Snguon) “đã ra lệnh hoặc cho phép thẩm sát tất cả những người Nam Kỳ mà họ có thể tìm thấy, và lệnh được thực hiện rất nghiêm khắc và rất tàn nhẫn; vụ thẩm sát này kéo dài một tháng rưỡi; chỉ có khoảng 20 phụ nữ và trẻ em đã được tha; không ai biết số người chết là bao nhiêu, và cũng sẽ rất khó biết được con số chính xác”²⁰. Những vết hằn trong quá khứ giữa hai dân tộc đã trở thành nguồn cơn cho tâm lý thù địch từ phía Khmer Đỏ và khiến quyết tâm của Khmer Đỏ trong việc giành lại các phần đất mà chính quyền này cho là thuộc về Campuchia càng thêm sâu sắc. Trong thế kỷ XX, càng nhiều người Việt di dân đến Campuchia vì những điều kiện khá thuận lợi như sự gần gũi về khía cạnh địa lý, dân số ít và các nguồn lực phong phú. Sự gia tăng tiếp xúc và chia sẻ lẫn nhau có thể giúp tăng cường hiểu biết và mối cảm thông giữa hai dân tộc, hai láng giềng. Tuy nhiên trên thực tế sự hiểu biết về nhau giữa người dân hai nước là khá hạn chế. Sử gia người Mỹ chuyên về lịch sử hiện đại của Việt Nam là Chandler nhận định rằng trong nhiều thế kỷ, “sự khinh thị của người Việt và sự ngờ vực của người Khmer đã tạo thành sắc thái chủ đạo trong quan hệ và ngăn cản sự hiểu biết lẫn nhau giữa hai quốc gia”²¹. Khmer Đỏ cho rằng khi họ thành công trong việc kiểm soát chính quyền vào năm 1975 thì Campuchia đã trở nên độc lập với Việt Nam. Chandler cũng lập luận rằng “trung tâm của những tranh chấp này là niềm tự hào bị tổn thương của người Campuchia, mối nghi ngờ về sự bảo trợ của Việt Nam, và bất đồng về các đường biên giới biển”²².

Mối nghi ngại càng gia tăng khi quan hệ Campuchia - Việt Nam được nhìn nhận từ bối cảnh của những tương tác quyền lực khu vực. Quan hệ giữa Campuchia và Việt Nam với các quốc gia láng giềng có ý nghĩa quan trọng. Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt - Lào (năm 1977) đã khiến Khmer Đỏ lo lắng rằng Việt Nam đang mở rộng ảnh hưởng và gây sức ép lên Campuchia. Trong khi đó, mối quan hệ ngày càng “thân mật” giữa Khmer Đỏ và Trung Quốc cũng khiến Việt Nam quan ngại. Việc Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Campuchia ban hành chỉ thị cho các quan chức địa phương bắt giữ tất cả người dân tộc Việt Nam và tất cả người Khmer nói tiếng Việt hoặc có bạn bè Việt Nam và giết chết đa số họ vào tháng 4-1977 đã được Nayan Chanda khẳng định rằng đây chính là nhằm loại trừ mối đe dọa Việt Nam²³.

Thứ năm, quan điểm của các lãnh tụ Trung Quốc đã tác động rất lớn đến chính sách của lãnh đạo Khmer Đỏ. Khi viếng thăm Trung Quốc và tiếp xúc với Đảng Cộng sản Trung Quốc trong giai đoạn 1965-1966 thì Pol Pot đã chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi quan điểm và cách nhìn nhận về con đường tiến hành cách mạng của các nhà

²⁰ Adrien Launay (1924), *Histoire de la Mission de Cochinchine, 1658-1823*, Vol. 2: 1728-1771, Missions étrangères de Paris, pp. 366-370.

²¹ David P. Chandler (2000), *Brother Number One: A Political Biography Of Pol Pot*, Silkworm Books, p. 139.

²² David P. Chandler (2000), *Brother Number One: A Political Biography Of Pol Pot*, Sđd, tr. 133.

²³ Nayan Chanda (1986), *Brother Enemy: The War after the War*, Sđd, tr. 86.

lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc²⁴. Qua quá trình tiếp xúc với phía Trung Quốc, Pol Pot đã tiếp thu những quan điểm của Mao Trạch Đông về cuộc cách mạng độc lập và cuộc đấu tranh giai cấp liên tục. Trong bối cảnh đó, những quan điểm và lý luận của Mao Trạch Đông là một “hệ tư tưởng truyền cảm hứng” (inspiring ideology) giúp Pol Pot giải phóng Campuchia khỏi ảnh hưởng to lớn của Việt Nam và cung cấp một mô hình cho sự chuyển đổi của Campuchia. David Chandler lập luận rằng nhân tố bên ngoài có tác động mạnh mẽ nhất đối với Pol Pot chính là cuộc “Cách mạng văn hoá” ở Trung Quốc. Phong trào quần chúng rộng khắp này được thiết kế để đẩy mạnh những ý tưởng của Mao Trạch Đông về cuộc cách mạng liên tục, đấu tranh giai cấp và sự trao quyền cho người nghèo. Phóng viên cánh tả nổi tiếng người Australia là Wilfred Burchett nhận định rằng khi những người như Pol Pot và Son Sen đã từng theo học tại Bắc Kinh thì họ đã bị tiêm nhiễm tư tưởng chống Việt Nam từ giới lãnh đạo Trung Quốc²⁵. Chính tại Trung Quốc mà Pol Pot “đã hấp thụ tầm quan trọng của việc loại bỏ những kẻ thù giấu kín của Đảng”²⁶. Quan trọng là Pol Pot và những người thân cận đã tìm thấy trong tư tưởng của Mao Trạch Đông cơ sở cho sự bành trướng để thể hiện tính ưu việt của Đảng Cộng sản Campuchia. Hệ tư tưởng Cộng sản mà chủ yếu là tư tưởng của Mao và Stalin đã khiến Khmer Đỏ tin rằng để đi lên chủ nghĩa xã hội “hoàn hảo” thì việc quan trọng là chính quyền Khmer Đỏ phải loại bỏ chướng ngại từ một chủ nghĩa xã hội “không hoàn hảo” là Việt Nam. Để thể hiện sự ưu trội, chính quyền Khmer Đỏ đã tiến hành xâm lấn vùng biên giới và tiến hành công cuộc diệt chủng dã man người Việt Nam. Đất nước Việt Nam và con người Việt Nam trở thành đối tượng mà Khmer Đỏ phải loại bỏ. Thắng lợi của Việt Nam vào tháng 4-1975 càng khiến Khmer Đỏ quan ngại về khả năng mở rộng ảnh hưởng của Việt Nam có thể gây đe dọa cho Campuchia.

Thứ sáu, sự ủng hộ của Trung Quốc đối với Khmer Đỏ và mối quan hệ xấu đi giữa Trung Quốc và Việt Nam cũng là nhân tố giúp Khmer Đỏ tự tin hơn trong việc tiến hành các xung đột vũ trang với Việt Nam. Trung Quốc đã ủng hộ sự tồn tại độc lập của chế độ Khmer Đỏ vì đây chính là “sản phẩm” trực tiếp từ tư tưởng chính trị của giới lãnh đạo Bắc Kinh. Trong chuyến thăm Tổng thống Indonesia Suharto vào tháng 12-1975, Ngoại trưởng Henry Kissinger đã giải thích chiến lược của Trung Quốc là nhằm sử dụng Campuchia để cân bằng với Việt Nam²⁷. Đặc biệt là vấn đề càng trở nên trầm trọng hơn khi Trung Quốc trở thành nhân tố bảo trợ cho chính quyền Khmer Đỏ. Nhà nghiên cứu King Chen chỉ ra rằng từ năm 1975, Trung Quốc được xem là “người bạn đáng tin cậy và có ảnh hưởng nhất” đối với chính quyền Khmer Đỏ thông

²⁴ David P. Chandler (2000), *Brother Number One: A Political Biography Of Pol Pot*, Sđd, tr. 6.

²⁵ M. E. Hawkesworth (1988), *Theoretical Issues in Policy Analysis*, State University of New York Press, p. 131.

²⁶ David P. Chandler (2000), *Brother Number One: A Political Biography Of Pol Pot*, Sđd, tr. 6.

²⁷ Text of Ford-Kissinger-Suharto discussion, US Embassy Jakarta Telegram 1579 to Secretary State, 6 December 1975, in William Burr and Michael L. Evans (eds.) (2001), *East Timor Revisited, Ford, Kissinger and the Indonesian Invasion, 1975-76*, National Security Archive Electronic Briefing Book No. 62.

qua việc cung cấp vũ khí và hỗ trợ ở “hậu trường”²⁸. Mặc dù năm 1977, Trung Quốc đã lo ngại về đụng độ giữa Khmer Đỏ và Việt Nam dọc biên giới hai nước và từng cân nhắc phương án hòa giải nhưng rốt cuộc thì Trung Quốc đã quyết định ủng hộ và hậu thuẫn cho Khmer Đỏ thay vì gây sức ép kiềm chế²⁹. Kể từ khi được Trung Quốc hậu thuẫn³⁰, Khmer Đỏ càng bộc lộ rõ thái độ không thỏa hiệp trước các đề nghị từ phía Việt Nam. Đối với việc Trung Quốc ủng hộ Khmer Đỏ, Mỹ đã không có động thái phản đối. Thực tế này phản ánh rằng Mỹ đã “bật đèn xanh” để Trung Quốc và Khmer Đỏ xích lại gần nhau.

Bên cạnh sự ủng hộ của Trung Quốc dành cho Khmer Đỏ thì quan hệ Trung Quốc - Việt Nam trong giai đoạn này cũng ngày càng trở nên xấu đi. Sau khi Mỹ thất bại và rút quân khỏi Việt Nam năm 1975 thì nổi cay đắng không chỉ dành cho riêng người Mỹ. Việc Trung Quốc đã nhiều lần thất bại trong quá trình xâm chiếm Việt Nam cùng việc Mỹ thua trận đã khiến các nhà chiến lược Trung Quốc càng bị ám ảnh về mối đe dọa từ phía Việt Nam. Một nước Việt Nam thống nhất là thách thức ở phía Nam trong khi Liên Xô là thách thức ở phía Bắc. Cần chú ý là không phải mãi đến khi cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc nổ ra vào năm 1979 mà thực tế là từ năm 1970 quan hệ hai nước đã bắt đầu xấu đi³¹. Ngay sau khi Việt Nam giành độc lập thì Trung Quốc đã lo ngại rằng sự vượt trội của Việt Nam tại Đông Nam Á sẽ giúp Việt Nam nắm lấy vai trò cách mạng tiên phong trong khu vực. Cán cân quyền lực ở Đông Nam Á không còn cân bằng là quan ngại của Trung Quốc. Trung Quốc cũng quan ngại khả năng Liên Xô sẽ lấp đầy khoảng trống quyền lực (power vacuum) của Mỹ ở Đông Nam Á - mà điều đó thể hiện qua sự trỗi dậy của Việt Nam, đồng minh thân cận của Liên Xô³². Nhà nghiên cứu Ramses Amer nhấn mạnh rằng trong chuyến thăm của Tổng bí thư Lê Duẩn đến Bắc Kinh năm 1975, Trung Quốc đã trực tiếp bày tỏ quan ngại sâu sắc về mối quan hệ khăng khít Việt - Xô³³. Chính sự xấu đi rõ rệt trong quan hệ Việt - Trung càng củng cố thêm quyết tâm của Trung Quốc sử dụng “con bài” Khmer Đỏ để làm suy yếu Việt Nam. Tâm thế thù địch của các lãnh

²⁸ King C. Chen (1987), *China's War with Vietnam, 1979: Issues, Decisions, and Implications*, Hoover Press, p. 31.

²⁹ William J. Duiker (1986), *China and Vietnam: The Roots of Conflict*, Institute of East Asian Studies, University of California, p. 68.

³⁰ Tòa án do Liên Hợp Quốc hậu thuẫn mở phiên xét xử các cựu quan chức Khmer Đỏ tại Phnom Penh vào năm 2009, đã khẳng định Trung Quốc “đã tăng cường ồ ạt hỗ trợ quân sự và thiết lập một mạng lưới cố vấn dày đặc để giám sát mọi hoạt động” của lãnh đạo Campuchia Dân chủ, “xúi giục bè lũ này [Khmer Đỏ] tiến hành một chính sách diệt chủng tàn khốc chống lại đồng bào chúng ta... [và] cả cuộc chiến tranh xâm lược chống lại Việt Nam,” đồng thời đóng vai trò “kẻ chủ mưu đáng căm phẫn của kế hoạch này.” ‘Judgment of the People’s Revolutionary Tribunal, 19 Aug. 1979’, in Howard J. De Nike, John B. Quigley, Kenneth J. Robinson (2000), *Genocide in Cambodia: Documents from the Trial of Pol Pot and Ieng Sary*, Philadelphia, PA: University of Pennsylvania Press, pp. 545-546.

³¹ Anne Gilks (1992), *The Breakdown of the Sino-Vietnamese Alliance, 1970 -1979*, Berkeley, CA: University of California Press, pp. 131-153.

³² Nayan Chanda (1986), *Brother Enemy: The War after the War*, Sđd, tr. 22-25.

³³ Ramses Amer (1994), “Sino-Vietnamese Normalization in the Light of the Crisis of the Late 1970s”, *Pacific Affairs*, Vol. 67, No. 3, pp. 357-384.

đạo Trung Quốc giúp Khmer Đỏ nhận được rất nhiều sự hậu thuẫn về chính trị và quân sự để có thể tự tin tiến hành cuộc chiến tranh biên giới với Việt Nam.

2. Một số nhận xét

Trong quá trình luận giải nguyên nhân cuộc chiến biên giới Tây Nam, các sử gia và học giả nước ngoài đã nỗ lực làm rõ lý do Khmer Đỏ có thái độ thù địch đối với Việt Nam và thông qua các cuộc xung đột để làm bùng phát thành chiến tranh với Việt Nam. Các tranh luận xoay quanh liệu nguyên nhân gây nên cuộc chiến là thuộc vào nhân tố bên trong (internal) hay bên ngoài (external). Qua việc xem xét những lý do đã nêu, tác giả cố gắng tìm kiếm một điểm cân bằng nhất định cho các lý giải trên cơ sở xem xét các lập luận khái quát nhất.

Về nhân tố bên trong, rõ nét nhất là lịch sử và chủ nghĩa dân tộc là nhân tố trực tiếp quy định nhận thức và thái độ của Khmer Đỏ. Cũng chính các tác nhân này là lực cản cho quan hệ giữa Campuchia và Việt Nam trong giai đoạn 1975-1979. Trên thực tế, hiểu biết của Khmer Đỏ về những mối liên kết lịch sử với Việt Nam và chủ nghĩa dân tộc Campuchia là động lực đằng sau thái độ thù địch và những hành động cực đoan của chính quyền này đối với Việt Nam. Về lịch sử, quan hệ giữa Campuchia với Việt Nam là mối quan hệ có nhiều thăng trầm. Đặc biệt là vấn đề tranh chấp chủ quyền (cả trên bộ và trên biển³⁴) là những tranh cãi diễn ra ở nhiều triều đại và là vấn đề khó đạt được sự đồng thuận về mặt chính trị. Về chủ nghĩa dân tộc, hào quang trong quá khứ của Campuchia mà điển hình là đế chế Angkor - từng là vương triều hùng mạnh nhất trong lịch sử Khmer và là một trong những nền văn minh vĩ đại nhất trên thế giới là niềm tự hào của người Campuchia. Đây là những nhân tố mà Khmer Đỏ đã viện dẫn để tiến hành xâm phạm biên giới phía Tây Nam của Việt Nam.

Bên cạnh đó thì yếu tố cá nhân cũng giữ vai trò quan trọng. Các nhà lãnh đạo Khmer Đỏ đa phần được đào tạo tại Pháp và đã có thời gian sang Trung Quốc và tiếp thu chủ nghĩa cộng sản là những người mang tư tưởng cực đoan và thù hận sâu sắc đối với người Việt Nam. Đặc biệt là nhóm trí thức từ Paris trở về đã mang tư tưởng thành lập một chế độ cộng sản mang đặc sắc riêng (ưu việt) và hoàn toàn khác biệt với chế độ cộng sản ở Trung Quốc, Liên Xô hay Việt Nam. Chịu ảnh hưởng sâu sắc của “chủ nghĩa Mao” và “cách mạng văn hóa” Trung Quốc, giới lãnh đạo Khmer Đỏ đã khoác lên mình chiếc áo chủ nghĩa cộng sản để đi theo con đường chủ nghĩa dân tộc cực đoan. Chính sách của Khmer Đỏ đối với Việt Nam cũng mang nặng tư tưởng này. Khmer Đỏ chủ trương bằng con đường vũ lực và quân sự để giành lại các vùng đất mà họ cho rằng Campuchia đã bị chiếm trước đây. Từ sau Hiệp định Genève (1954), Khmer Đỏ còn kiên định quan điểm cho rằng sự tan rã của phong trào cách

³⁴ Về tranh chấp chủ quyền trên biển giữa Việt Nam và Campuchia cùng những lập luận chủ yếu, tham khảo: Phạm Thị Hồng Phượng (2006), “Lịch sử vùng biển Việt Nam – Campuchia”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 4 (29), tr. 69-76.

mạng Campuchia có nguyên nhân từ phía Việt Nam. Những hạn chế về nhận thức của giới lãnh đạo Khmer Đỏ đã khiến Việt Nam trở thành đối tượng thù địch của lực lượng này. Đối với Khmer Đỏ, tiến hành chiến tranh với Việt Nam là hợp lý.

Về nhân tố bên ngoài, bối cảnh quốc tế và bối cảnh khu vực là hai nhóm vấn đề cần lưu ý. Xét về *bối cảnh quốc tế* thì sự tác động của Chiến tranh Lạnh diễn biến hết sức phức tạp đã cuốn các quốc gia vào vòng xoáy của xung đột. Xung đột giữa Campuchia và Việt Nam diễn ra trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Liên Xô đang ngày càng nóng hơn và cùng với đó là sự tan băng trong quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc. Bối cảnh này không chỉ chi phối các nước lớn mà còn tác động đến Campuchia, Việt Nam và mối quan hệ này. Sự vận động của chính trị quốc tế thời kỳ này chủ yếu gắn liền với tình trạng mâu thuẫn và xung đột. Sự thiếu vắng niềm tin là phổ biến. Những nỗ lực để đạt được niềm tin chính trị là rất khó khăn và trong nhiều trường hợp là không đạt được. Bối cảnh này cũng bao gồm nhiều sự thật được nhìn nhận rõ hơn và bên cạnh đó là cả những sự xuyên tạc ở nhiều khía cạnh³⁵. Xét về *bối cảnh khu vực* thì lợi ích của các nước lớn và mối tương tác giữa các quốc gia này đã chi phối quan hệ quốc tế Đông Nam Á và tác động trực tiếp đến các quốc gia vừa và nhỏ. Với tầm quan trọng về địa chính trị, Đông Nam Á mà cụ thể hơn là Đông Dương có ý nghĩa quan trọng trong giai đoạn hậu chiến tranh Việt Nam. Việc nắm chắc địa vị chủ đạo tại đây cũng sẽ quyết định đến khả năng phát huy ảnh hưởng ở tầm khu vực. Bối cảnh Trung Quốc và Mỹ xích lại gần nhau để loại bỏ ảnh hưởng của Liên Xô khiến mối quan hệ này trong nhiều trường hợp là “ngầm ủng hộ” lẫn nhau nhằm giúp mỗi bên đạt được những lợi ích chính trị cho riêng mình. Trong bối cảnh đó, Việt Nam giành độc lập đã khiến cả Mỹ và Trung Quốc quan ngại vì cũng trên cơ sở thắng lợi này mà (i) vị thế và tiếng nói của Việt Nam trong phe xã hội chủ nghĩa và thế giới nói chung đang trên đà gia tăng; (ii) mối quan hệ giữa Việt Nam và Liên Xô có những bước phát triển mới. Đối với Mỹ và Trung Quốc thì địa vị của hai quốc gia này có khả năng suy giảm và lợi ích có khả năng bị thu hẹp. Sự ủng hộ có lúc gián tiếp, có lúc trực tiếp của Trung Quốc và Mỹ cho Khmer Đỏ tùy từng giai đoạn đã củng cố lòng tin về sự hậu thuẫn chính trị (lấn quân sự) và tạo cho Khmer Đỏ một cơ sở để tăng cường chống phá, thăm sát và tấn công vào các tỉnh ở biên giới Tây Nam Việt Nam.

3. Thay lời kết

Trong khuôn khổ bài viết, từ những góc nhìn khái quát đã trình bày, tác giả rút ra một số nhận xét:

³⁵ Sophie Quinn-Judge, “Victory on the Battlefield: Isolation in Asia: Vietnam's Cambodia Decade, 1979-1989,” in Odd Arne Westad and Sophie Quinn-Judge (eds.) (2006), *The Third Indochina War: Conflict between China, Vietnam and Cambodia*, Sđd, tr. 208.

Thứ nhất, những lý do quy định việc Khmer Đỏ có tâm thế thù địch và tiến hành chiến tranh với Việt Nam mà các học giả nước ngoài luận giải là khá phong phú và đa chiều. Mức độ tập trung cũng khác nhau và đâu là nguyên nhân chủ yếu vẫn còn tranh cãi. Bên cạnh đó, tác giả bài viết cũng không hẳn đồng tình hoàn toàn với tất cả các luận cứ của các học giả hay sử gia nước ngoài. Tuy nhiên, những nghiên cứu từ góc nhìn của học giả phương Tây là đáng ghi nhận và trong nhiều trường hợp có ý nghĩa tích cực vì đã cho thấy rằng các vấn đề quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á ngày càng được quan tâm chú ý. Bởi lẽ, các nghiên cứu có liên quan đến nguyên nhân của cuộc chiến biên giới Tây Nam không chỉ xuất hiện trong giai đoạn Chiến tranh Lạnh mà còn được phát triển cả trong bối cảnh hậu chiến và được đầu tư nhiều hơn trong thế kỷ XXI. Đặc biệt là khi lịch sử có độ lùi càng xa thì những nhận xét, đánh giá càng có nhiều cơ sở để hoàn thiện hơn.

Thứ hai, các nhân tố bên trong và bên ngoài đều có tác động trực tiếp hay gián tiếp đến nguyên nhân Khmer Đỏ phát động cuộc chiến biên giới Tây Nam với Việt Nam. Xem xét cụ thể hơn thì thiết nghĩ, những nhân tố bên trong chiếm phần ưu thế vì đã tạo những điều kiện căn bản nhất để các nhà lãnh đạo Khmer Đỏ tìm kiếm lợi ích và vị thế cho Campuchia trên cơ sở các hành vi bạo lực. Các nguyên nhân thuộc nhiều khía cạnh: về lịch sử, hào quang của nền văn minh trong quá khứ và vấn đề chủ quyền là động lực chủ yếu thúc đẩy Khmer Đỏ tìm kiếm các giải pháp khôi phục đất đai và vị thế trên cơ sở bạo lực. Cả hai nhân tố này đều gắn bó chặt chẽ với nhu cầu “phục hồi” lại các thành tựu trước đây; về địa lý, đây là nhân tố biện minh cho việc Khmer Đỏ quan ngại về an ninh của Campuchia và nhu cầu không gian sinh tồn (lebensraum). Đối với Khmer Đỏ, việc Campuchia tồn tại bên cạnh Việt Nam - một nước láng giềng lớn hơn là một thách thức; về văn hóa, đây là xương sống - sợi chỉ đỏ xuyên suốt cho quan điểm và thái độ của Khmer Đỏ đối với cách thức tìm kiếm những sự ưu trội so với Việt Nam và con đường xã hội chủ nghĩa của Việt Nam.

Thứ ba, trong các nhân tố đã đề cập thì việc Khmer Đỏ khuyến khích đàn áp và sử dụng con đường bạo lực để đạt được các mục tiêu của mình (bao gồm tiến hành xâm lấn biên giới Tây Nam của Việt Nam) cần được nghiên cứu nhiều hơn. Bên cạnh sử học thì những góc nhìn bổ sung như xã hội học, tâm lý học... sẽ cung cấp những luận giải phong phú và với ý nghĩa nhất định là thuyết phục hơn. Sự tha hóa về đạo đức khiến ranh giới đúng - sai trở nên mong manh. Ý chí của cá nhân trở thành tiên quyết và do đó những giá trị đạo đức trong hành động đã không được tính đến. Đơn cử là quan điểm về văn hóa Khmer và tác động của nó đến Khmer Đỏ là đáng chú ý (và thậm chí là gây tranh luận). Philip Short cho rằng sự tàn ác của Khmer Đỏ chủ yếu có nguồn gốc từ văn hóa Khmer, pha lẫn với mặc cảm hận thù (dồn nén qua nhiều thế kỷ) đối với các nước láng giềng, nhất là Việt Nam. Văn hóa Khmer là văn hoá tránh đối đầu (confrontation) bằng mọi giá. Tranh cãi hay lý luận không phải là cơ sở để giải quyết các khác biệt. Giữa hai thái cực phục tùng và vũ lực, không có

“điểm giữa” (middle ground)³⁶. Sự tàn bạo của Khmer Đỏ và đặc biệt là thái độ thù địch của chính quyền này đối với Việt Nam rõ ràng là vấn đề cần đi sâu vào nghiên cứu. Trong bối cảnh mà nhiều nguồn tài liệu trực tiếp từ phía Khmer Đỏ khá khan hiếm thì sự kết hợp của nhiều ngành khoa học xã hội và nhân văn sẽ đóng góp hiệu quả hơn vào việc giải thích tính chất cực đoan qua thái độ kỳ thị, thù địch và quyết định tấn công vào biên giới Tây Nam Việt Nam cũng như việc Khmer Đỏ tiến hành thảm sát người Việt trên diện rộng một cách không thương tiếc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Adrien Launay (1924), *Histoire de la Mission de Cochinchine, 1658-1823*, Vol. 2: 1728-1771, Missions étrangères de Paris.
2. Anne Gilks (1992), *The Breakdown of the Sino-Vietnamese Alliance, 1970 - 1979*, Berkeley, CA: University of California Press.
3. Ben Kiernan (1985), *How Pol Pot Came to Power*, London: Verso.
4. Ben Kiernan (1996), *The Pol Pot Regime: Race, Power, and Genocide in Cambodia under the Khmer Rouge, 1975-79*, New Haven and London: Yale University Press.
5. *Black Paper: Facts and Evidence of the Acts of Aggression and Annexation of Vietnam against Kampuchea* (1978), Ministry of Foreign Affairs, Democratic Kampuchea, Phnom Penh.
6. David P. Chandler (1992), *A History of Cambodia*, Boulder: Westview Press.
7. David P. Chandler (2000), *Brother Number One: A Political Biography Of Pol Pot*, Silkworm Books.
8. Elizabeth Becker (1986), *When The War Was Over: Cambodia And The Khmer Rouge Revolution*, Simon & Schuster.
9. Grant Evans and Kelvin Rowley (1984), *Red Brotherhood at War: Indochina since the Fall of Saigon*, London: Verso.
10. Howard J. De Nike, John B. Quigley, Kenneth J. Robinson (2000), *Genocide in Cambodia: Documents from the Trial of Pol Pot and Ieng Sary*, Philadelphia, PA: University of Pennsylvania Press.

³⁶ “The corollary of this visceral desire to avoid confrontation at all costs is that debate and argument do not function as a means of resolving differences. Between the extremes of acquiescence and violence there is no middle ground”. Tham khảo: Philip Short (2006), *Pol Pot: Anatomy of a Nightmare*, Henry Holt. Có thể tham khảo thêm bài điểm sách của Trần Hữu Dũng tại: <http://www.viet-studies.info/THDung/PolPot.htm>, truy cập ngày 20/3/2018.

11. Khieu Samphan (2004), *Cambodia's Recent History and the Reasons Behind the Decisions I Made*, Phnom Penh: Ponleu Khmer Printing & Publishing House.
12. King C. Chen (1987), *China's War with Vietnam, 1979: Issues, Decisions, and Implications*, Hoover Press.
13. *Keesing's Contemporary Archives* (1975), Vol. XXIV, No. 1650, Cambridge.
14. Marian Kirsch Leighton (1978), "Perspectives on the Vietnam-Cambodia Border Conflict", *Asian Survey*, Vol. 18, No. 5.
15. M. E. Hawkesworth (1988), *Theoretical Issues in Policy Analysis*, State University of New York Press.
16. Michael Vickery (1984), *Cambodia, 1975-1982*, South End Press.
17. Nayan Chanda (1986), *Brother Enemy: The War after the War*, New York: Harcourt Brace Jovanovich.
18. Naomi Chazan (Ed.) (1991), *Irredentism and International Politics*, Boulder: Lynne Rienner Publishers.
19. Odd Arne Westad and Sophie Quinn-Judge (eds.) (2006), *The Third Indochina War: Conflict between China, Vietnam and Cambodia*, Routledge.
20. Phạm Thị Hồng Phượng (2006), "Lịch sử vùng biên Việt Nam – Campuchia", *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 4 (29).
21. Philip Short (2006), *Pol Pot: Anatomy of a Nightmare*, Henry Holt. Samuel Totten and William S. Parsons (eds.) (2009), *A Century of Genocide: Critical Essays and Eyewitness Accounts*, New York: Routledge.
22. Ramses Amer (1994), "Sino-Vietnamese Normalization in the Light of the Crisis of the Late 1970s", *Pacific Affairs*, Vol. 67, No. 3.
23. Stephen P. Heder (1979), "The Kampuchean-Vietnamese Conflict", *Southeast Asian Affairs*.
24. William J. Duiker (1986), *China and Vietnam: The Roots of Conflict*, Institute of East Asian Studies, University of California.